

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 12.304.429.344 | 4.493.983.509 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.147.300.165 | 71.432.412 |
| Cộng | 15.451.729.509 | 4.565.415.921 |

TINH * NGANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|---------------------------------------------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay theo các Hợp đồng | - | 214.364.447.934 |
| Cộng | - | 214.364.447.934 |

Khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay theo các Hợp đồng với thời hạn là 06 tháng, lãi suất cho vay là 25%/năm (tính từ ngày giải ngân), tiền lãi được trả vào cuối kỳ. Khoản vay đã được tất toán trong đầu năm 2012 và chuyển thành khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt như đã trình bày tại thuyết minh số 10 dưới đây.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí của dự án nhà ở thu nhập thấp (*) | 27.071.760.766 | 25.855.190.766 |
| Lãi vay phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | - | 6.923.793.099 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 7.541.678.212 | 2.417.586.083 |
| Phải thu khác | 4.400.000 | - |
| Cộng | 34.617.838.978 | 35.196.569.948 |

(*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng (xem thuyết minh số 23 dưới đây).

7. HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 51.438.076.873 | 13.532.179.563 |
| Thành phẩm | 1.214.829.919 | - |
| Hàng hoá | 35.741.498.680 | 31.158.910.757 |
| Hàng gửi bán | 79.702.482.510 | 94.279.302.856 |
| Cộng | 168.096.887.982 | 138.970.393.176 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 168.096.887.982 | 138.970.393.176 |

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|-----------------|----------------------|------------|
| | VND | VND |
| Ký quỹ ngắn hạn | 3.410.243.928 | - |
| Cộng | 3.410.243.928 | - |

Khoản ký quỹ ngắn hạn tại ngân hàng HSBC - Chi nhánh Hải Phòng phục vụ việc nhập khẩu nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị quản lý VND | Cộng VND |
|------------------------|-------------------------------|----------------------------|---------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | |
| Tại 31/12/2011 | 3.031.972.727 | 237.390.803 | 3.269.363.530 |
| Mua trong kỳ | - | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Tại 30/06/2012 | 3.031.972.727 | 277.390.803 | 3.309.363.530 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại 31/12/2011 | 230.861.384 | 113.956.710 | 344.818.094 |
| Khấu hao trong kỳ | 185.879.544 | 36.394.014 | 222.273.558 |
| Tại 30/06/2012 | 416.740.928 | 150.350.724 | 567.091.652 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại 31/12/2011 | 2.801.111.343 | 123.434.093 | 2.924.545.436 |
| Tại 30/06/2012 | 2.615.231.799 | 127.040.079 | 2.742.271.878 |

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

| | 30/06/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---------------------------------------------|------------------------|-------------------|
| Đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (*) | 260.824.447.934 | - |
| Cộng | 260.824.447.934 | - |

(*) Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD ngày 01/01/2012 với Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt, theo đó số tiền góp vốn của Công ty vào Dự án "Xây dựng và kinh doanh Trung tâm thương mại - Dịch vụ, nhà ở Golden - Land Building" là 300 tỷ đồng. Đến ngày 30/06/2012, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên là 260.824.447.934 đồng. Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt được thành lập ngày 21/7/2006 và đang quản lý Dự án "Xây dựng và kinh doanh Trung tâm thương mại - Dịch vụ, nhà ở Golden - Land Building". Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt là công ty chịu sự kiểm soát của ông Đỗ Hữu Hạ cũng đồng thời là cổ đông có quyền kiểm soát đối với Công ty.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 30/06/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 133.020.013 | 145.608.366 |
| Cộng | 133.020.013 | 145.608.366 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | | |
| Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng | 10.000.000.000 | 22.519.554.000 |
| Cộng | 10.000.000.000 | 22.519.554.000 |

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HAP.DN.05160511/HMTD ngày 18/05/2011. Theo đó hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 đồng; mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại xe vận tải; thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Á Châu quy định từng thời kỳ. Tiền gốc trả vào cuối kỳ, tiền lãi trả hàng tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ 3 là một số cổ đông lớn của Công ty.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 8.794.848.791 | 2.417.586.082 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 13.098.364.710 | 4.691.379.476 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.280.397.282 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 4.400.000 | 4.200.000 |
| Cộng | 21.897.613.501 | 8.393.562.840 |

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay phải trả | 143.888.889 | 152.911.396 |
| Chi phí phải trả khác | - | 22.727.273 |
| Cộng | 143.888.889 | 175.638.669 |

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
|---------------------------------------|-----------------------|------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Pruksa International (*) | 47.092.108.000 | - |
| Cộng | 47.092.108.000 | - |

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam. Cho đến nay, dự án này vẫn đang trong giai đoạn triển khai (chưa thành lập Công ty liên doanh) nên Công ty đang trình bày khoản ứng trước của đối tác trên khoản phải trả ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2011 | 90.000.000.000 | - | - | 94.291.518.941 | 184.291.518.941 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (12.000.000.000) | (12.000.000.000) |
| Tăng vốn | 10.000.000.000 | 14.336.000.000 | - | - | 24.336.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 103.663.020.974 | 103.663.020.974 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 100.000.000.000 | 14.336.000.000 | - | 185.954.539.915 | 300.290.539.915 |
| Trích lập các quỹ (*) | - | - | 5.183.151.000 | (5.183.151.000) | - |
| Chia cổ tức (*) | 50.000.000.000 | - | - | (50.000.000.000) | - |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 33.192.942.464 | 33.192.942.464 |
| Tại ngày 30/06/2012 | 150.000.000.000 | 14.336.000.000 | 5.183.151.000 | 163.964.331.379 | 333.483.482.379 |

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2012, Đại hội thông qua phương án trích Quỹ Dự phòng tài chính 5% từ Lợi nhuận sau thuế năm 2011, phương án chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 50% cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.

Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức ngày 29/05/2012. Ngày 29/06/2012, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định số 96/2012/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 05 triệu cổ phiếu (tương đương với 50 tỷ đồng) niêm yết có hiệu lực từ ngày 03/07/2012. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 10/07/2012 sửa đổi Vốn Điều lệ của Công ty tăng từ 100.000.000.000 đồng lên 150.000.000.000 đồng.

Vốn Điều lệ

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

| Tên cổ đông | Vốn đã góp đến 30/06/2012 | | Vốn đã góp đến 31/12/2011 | |
|------------------|------------------------------|----------------|------------------------------|----------------|
| | VND | % | VND | % |
| Ông Đỗ Hữu Hạ | 81.000.000.000 | 54,00% | 54.000.000.000 | 54,00% |
| Ông Đỗ Hữu Hậu | 35.775.000.000 | 23,85% | 23.850.000.000 | 23,85% |
| Bà Mai Trang | 6.075.000.000 | 4,05% | 4.050.000.000 | 4,05% |
| Ông Đỗ Hữu Hưng | 6.075.000.000 | 4,05% | 4.050.000.000 | 4,05% |
| Bà Nguyễn Thị Hà | 6.075.000.000 | 4,05% | 4.050.000.000 | 4,05% |
| Cổ đông khác | 15.000.000.000 | 10,00% | 10.000.000.000 | 10,00% |
| Cộng | 150.000.000.000 | 100,00% | 100.000.000.000 | 100,00% |

25A
CHI
CỔ
ĐÔNG
KIẾ
V
AI H
/AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 |
|----------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng | 204.536.363.648 | 436.553.818.900 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.270.499.728 | 1.430.101.291 |
| Cộng | 205.806.863.376 | 437.983.920.191 |

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 |
|------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 39.156.836 | 544.292.878 |
| Lãi cho vay vốn | 135.545.928 | 539.215.276 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 1.943.706.175 |
| Cộng | 174.702.764 | 3.027.214.329 |

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 |
|-------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 986.544.542 | 3.561.790.172 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 131.964.606 | 1.499.234.865 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 27.793.208 | - |
| Cộng | 1.146.302.356 | 5.061.025.037 |

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 33.192.942.464 | 60.951.353.246 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 33.192.942.464 | 60.951.353.246 |
| Thuế suất thông thường | 25% | 25% |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 8.298.235.616 | 15.237.838.312 |
| Miễn thuế theo ưu đãi (*) | (8.298.235.616) | (15.237.838.312) |
| Cộng | - | - |

(*) Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế | 33.192.942.464 | 60.951.353.246 |
| Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ | 15.000.000 | 14.588.889 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.213 | 4.178 |

(a) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành:

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 Số lượng cổ phiếu | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 Số lượng cổ phiếu |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ | 10.000.000 | 9.000.000 |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành vào ngày 29/5/2012 | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu năm 2011 | - | 588.889 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ | 15.000.000 | 14.588.889 |

(b) Điều chỉnh hồi tố số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền:

Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 như sau:

| | Số cổ phiếu bình quân gia quyền | Lãi cơ bản trên cổ phiếu |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
| Theo Báo cáo tài chính đã được soát xét từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 | 9.588.889 | 6.356 |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ phiếu thưởng ngày 16/05/2011 | 5.000.000 | 2.179 |
| Số đã điều chỉnh lại | 14.588.889 | 4.178 |

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 như sau:

| | Miền Bắc VND | Miền Trung VND | Miền Nam VND | Cộng VND |
|-----------------------|-----------------|-------------------|-----------------|------------------------|
| Chỉ tiêu | | | | |
| 1. Doanh thu thuần | 80.852.317.927 | 84.568.181.814 | 40.386.363.635 | 205.806.863.376 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế | 13.703.866.195 | 13.837.387.967 | 5.651.688.302 | 33.192.942.464 |

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

3-06
ANH
TY
HỮU
HẠN
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

23. CAM KẾT GÓP VỐN LIÊN DOANH

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International dự kiến thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam lần lượt là 10.000.000 USD và 40.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Pruksa International lần lượt là 15% và 85%).

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Công ty đang xúc tiến các thủ tục để thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam nói trên. Do Công ty liên doanh chưa được thành lập nên các thông tin tài chính liên quan đến dự án này đang được Công ty trình bày chung trên báo cáo tài chính tại ngày 30/6/2012 của Công ty như sau:

| STT | Nội dung | Số tiền (VND) |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------|
| 1 | Vốn góp của đối tác liên doanh (thuyết minh số 15) | 47.092.108.000 |
| 2 | Chi phí đã thực hiện của liên doanh (thuyết minh số 06) | 27.071.760.766 |

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2012, Đại hội thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 50%, nâng tổng vốn Điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 225 tỷ đồng. Ngày 16/07/2012, Hội đồng quản trị Công ty đã ra quyết định số 10/NQ-HĐQT về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 50% và chốt ngày đăng ký cuối cùng hưởng cổ tức năm 2011 của cổ đông là ngày 10/08/2012.

25. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy | | |
| Mua hàng hoá, dịch vụ | 12.178.268.910 | 7.777.058.645 |
| Giá trị hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp | 105.600.000 | 45.100.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | | |
| Thu nhập từ lãi cho vay | 135.545.928 | 539.215.276 |
| <i>Số dư với các bên liên quan:</i> | | |
| | 30/06/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy | | |
| Phải trả thương mại | 7.077.668.910 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | | |
| Cho vay theo các hợp đồng vay ngắn hạn | - | 214.364.447.934 |
| Đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh | 260.824.447.934 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

25. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc:

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 |
|------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | 79.500.000 | 71.080.000 |
| Cộng | 79.500.000 | 71.080.000 |

26. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 | Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 |
|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 168.723.261.456 | 370.750.588.580 |
| Chi phí nhân công | 486.151.385 | 405.446.155 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 226.801.558 | 82.898.790 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.094.559.511 | 2.403.963.846 |
| Chi phí tài chính | 1.146.302.356 | 5.061.025.037 |
| Cộng | 172.677.076.266 | 378.703.922.408 |

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1. Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính kỳ này vẫn được trình bày theo giá gốc. Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

27.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

27.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu),

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

27. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác. Riêng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ sử dụng số liệu so sánh của cùng kỳ năm trước đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng